I . Phần mở đầu .

1 . Lý do chọn đề tài :

Nếu như ở nước Việt Nam ta trong thời kỳ phong kiến, các sĩ tử muốn tiến thân trên con đường công danh thì phải trải qua các kỳ khoa cử với những cuộc thi Hương, thi Hội, thi Đình… thì trong xu thế hiện tại, người Việt Nam theo số đông lại mang một quan niệm rằng: vào giảng đường Đại học chính là chiếc chìa khoá đầu tiên để có thể mở ra những cánh cửa thành công trong tương lai về sau.

Và tại sao người Việt chúng ta lại coi trọng vấn đề vào Đại học ?

Trước tiên, thực tế trong xã hội hiện nay, một khi tốt nghiệp với tấm bằng Đại học trên tay thì dường như cơ hội kiếm được việc làm cũng tăng lên; đặc biệt là trong giai đoạn mà người dân Việt Nam cứ suy nghĩ rằng học Đại học là con đường duy nhất để có một tương lai tốt đẹp, sáng ngời . Theo số liệu thống kê cho ta thấy , năm 2015 thì nước ta có có tới khoảng 178.000 người ra trường bị thất nghiệp .

Ngoài ra, không phân biệt đẳng cấp giàu nghèo, thành thị hay vùng nông thôn, còn có những lý do rất khác nhau mà các gia đình đều mong muốn các con đậu Đại học như là để tiếp thu thêm tri thức mới, nối tiếp sự nghiệp của gia đình, thay đổi cuộc sống cơ cực hay thậm chí chỉ là để có thể "nở mày nở mặt" với họ hàng, làng xóm…

→ Chính vì tầm quan trọng của việc vào Đại học nên có những gia đình đã ép con mình phải thi vào các trường chuyên, trường điểm ,lớp chọn từ thời cấp 2, cấp 3, mong muốn tạo cho con một nền tảng vững chắc hơn trước khi đối đầu

với kỳ thi Đại học. Và những học sinh trong các môi trường này thường phải chịu một mức áp lực nhất định từ gia đình, nhà trường hay từ chính bản thân.

Bên cạnh đó, xuất hiện một xu hướng học thêm tràn lan, nhất là những môn chính trong kỳ thi Đại học. Sau khi tan trường, các cô cậu học sinh lao mình vào các trung tâm luyện thi chính là hình ảnh rất dễ dàng bắt gặp trong khu vực thành phố hiện nay, khi kỳ thi Đại học đang gần kề.

Vậy liệu rằng, mức tác động của một số vấn đề chúng tôi đề cập trên đây với kết quả thi Đại học là có đáng kể hay không? Các bậc phụ huynh có nên theo những xu hướng chung ấy hay không? Và lời khuyên đưa ra cho các cô cậu học sinh để chuẩn bị cho kỳ thi lớn này là gì?

Đây chính là những lý do chính đã đưa tôi đến với đề tài: "Những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thi Đại học của các thí sinh vào Khoa Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Tài chính – Kế toán ".

Trong phạm vi của dự án này, tôi chỉ tập trung vào kết quả thi đầu vào của các thí sinh mà không xét về chất lượng đào tạo Đại học. Và để loại trừ những tác động của khác biệt đề thi, khác biệt về thời gian học tập, tôi chỉ chọn sinh viên năm ba khoá 2013 thi vào khoa Tài chính – Ngân hàng . Ngoài ra, theo quan điểm chung của tôi, đối với những môn xã hội, năng khiếu tự nhiên cũng có những tác động đáng kể đến điểm thi Đại học nên tôi chỉ chọn khối thi là khối A. Đối với các môn tự nhiên thì mức độ đồng đều và tính logic cao hơn nên tôi có thể dễ dàng đưa ra những đánh giá khách quan hơn.

Tôi hy vọng rằng, dự án của tôi sẽ mang một ý nghĩa thiết thực trong tình hình thi Đại học vẫn còn là một mối quan tâm hàng đầu và luôn nóng dần lên khi đến tháng 7 hàng năm .

2 . Đối tượng và phương pháp nghiên cứu :

Đối tượng : sinh viên năm ba đang theo học tại trường ĐH Tài chính – kế toán .

Phương pháp nghiên cứu : Phương pháp thống kê mô tả , thu thấp số liệu bằng bảng khảo sát , xử lý số liệu và đưa ra mô hình chung bằng phần mềm Eviews 6 .

II. Phần nội dung

Chương 1 : Cơ sở lý luận

Lý thuyết cho thấy kết quả đạt được, mà cụ thể ở đây là điểm thi Đại học phụ thuộc vào quá trình nỗ lực của các bạn thí sinh. Đó là quá trình học tập tích lũy kiến thức, rèn luyện qua thời gian chứ không phải ngày một ngày hai mà có thể có được.

Bên cạnh đó, dựa trên lý thuyết chi phí cơ hội, các bạn thí sinh phải đánh đổi giữa thời gian học tập chuẩn bị cho kỳ thi Đại học với thời gian sinh hoạt khác như vui chơi, giải trí,… Nếu chỉ học hành qua loa, không chú trọng ôn tập, làm bài,... hay nói đơn giản là không bỏ thời gian ôn luyện thì không thể có kết quả cao được. Do đó, để đạt được điểm thi cao, các bạn thí sinh phải hy sinh thời gian của các hoạt động khác để tập trung cho việc học. Cái gì cũng có giá của nó.

❖ Mô hình dự kiến :

Y= β_1+ β_2SHOOL + β_3TIME_Y + β_4TIME_EXTRA + β_5PRESSURE + β_6SMART

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thi ĐH :

Dựa vào những nhận định trên, các yếu tố ảnh hưởng đến điểm thi Đại học có thể được phân loại như sau:

<u>Thứ nhất, các nhân tố chủ quan:</u>

+ Nỗ lực, quyết tâm của bản thân, thể hiện qua số giờ học trong tuần

+ Sự thông minh vốn có của mỗi thí sinh

+ Sự yêu thích trường học, ngành học mà các thí sinh mong muốn thi vào

+ Yếu tố về sức khỏe, sức đề kháng của mỗi người

<u>Thứ hai, các nhân tố khách quan:</u>

+ Hoàn cảnh gia đình

+ Các áp lực tác động tới tâm lý của thí sinh

+ Chất lượng đào tạo của trường cấp 3 đang theo học

+ Chất lượng đào tạo. đội ngũ giáo viên tại các trung tâm dạy thêm

+ Các rủi ro khác trong ngày đi thi Đại học như tai nạn giao thông, kẹt xe, quên giấy tờ, dụng cụ thi, …

Phân tích các hệ số theo mô hình dự kiến :

- **SCHOOL**: Thực sự việc đánh giá chất lượng đào tạo của các trường phổ thông là một vấn đề nan giải, còn có nhiều ý kiến xung quanh việc này. Tuy nhiên, nhìn chung, các trường chuyên, trường điểm , lớp chọn có đầu vào cao hơn nên các bạn học sinh học tại các trường chuyên, lớp chọn thường có nền tảng kiến thức tương đối vững hơn so với những bạn không học trong điều kiện này. Ngoài ra, các trường chuyên, lớp chọn thường được đánh giá là có chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tốt hơn .

  β **2 > 0**

- **TIME_Y**: là biến thực đo lường thời gian tự học (dành cho những môn thi Đại học) trong một tuần, tính bằng giờ. Thời gian tự học càng nhiều thi điểm thi càng cao, kỳ vọng mang dấu dương.

  β **3 > 0**

- **TIME_ EXTRA**: là biến thực đo lường thời gian học thêm (dành cho những môn thi Đại học) trong một tuần, tính bằng giờ. Tương tự như thời gian tự học, học thêm là thời gian để các bạn học sinh học tập kinh nghiệm, tích lũy kiến thức có định hướng từ thầy cô, thời gian này càng nhiều thi điểm thi càng cao, kỳ vọng mang dấu dương.

- **PRESSURE**: là biến đo lường mức độ áp lực tới thí sinh dự thi Đại học. Áp lực này có thể từ phía gia đình, thầy cô, bạn bè hay bản thân mỗi người,… được xếp từ 1 đến 3 theo mức độ tăng dần, kỳ vọng mang dấu dương.

β **4 > 0**

- **SMART**: là biến đo lường mức độ tiếp thu bài của các bạn học sinh, được xếp từ 1 đến 3 theo mức độ tăng dần, kỳ vọng mang dấu dương. Đây là biến mà tôi thực hiện đề tài cảm thấy khó khăn nhất trong việc đo lường. Vì thực sự khó có thể đánh giá một học sinh có thông minh hay không chỉ thông qua mức độ tiếp thu bài. Tuy nhiên nó cũng phần nào thể hiện mức độ thông minh của một học sinh và tác động lớn tới kết quả điểm thi đại học.

  β **5 > 0 .**

Chương II : Mô tả số liệu

- Mô hình :

$$Y = \beta_1 + \beta_2 SHOOL + \beta_3 TIME_Y + \beta_4 TIME_EXTRA + \beta_5 PRESSURE + \beta_6 SMART$$

MARK: Là biến phụ thuộc, kết quả điểm thi trung bình .

SHOOL: trường học (chuyên , không chuyên)

TIME_Y : thời gian tự học trong 1 tuần (giờ)

TIME_EXTRA : thời gian học thêm trong 1 tuần (giờ)

PRESSURE : mức độ áp lực tới thí sinh dự thi (được xếp từ 1 đến 3)

SMART : mức độ tiếp thu bài của các bạn thí sinh (được xếp từ 1 đến 3)

BỘ SỐ LIỆU ĐIỀU TRA

STT	Mark	school	TIME_extra	TIME_Y	Pressure	Smart
1	17	1	3	42	2	2
2	17	0	5	28	3	3
3	17	1	17	38.5	2	2
4	17	0	6	28	2	3
5	16.5	1	4	14	2	3
6	16.5	1	7	25	2	2
7	16.5	0	15.5	28	2	2
8	16.5	1	6	35	2	2
9	16.5	1	8	14	3	2
10	16.5	1	9	20	2	3
11	16	1	10	35	1	2
12	16	0	8	21	1	2
13	16	1	9	24	1	2
14	16	0	6	21	1	3
15	16	1	9	24	1	3
16	15.5	1	11	27	3	3
17	15.5	1	15	35	2	2
18	15.5	0	13	21	1	2
19	15.5	0	9	30	2	3
20	15.5	1	17	28	3	1
21	15.5	1	13	27	2	2
22	15.5	1	17	30	1	2
23	15.5	0	16	24	1	2
24	15.5	0	15.5	21	3	3
25	15	1	18	14	2	3

26	15	0	18	14	1	3
27	15	0	21	7	2	2
28	15	0	20	7	1	3
29	15	0	9	7	1	3
30	15	0	17	7	3	1
31	15	1	18	14	2	1
32	15	0	17	18	1	3
33	15	0	11	25	1	2
34	15	1	12	7	1	3
35	14.5	1	6	30	2	3
36	14.5	1	19	15	1	3
37	14.5	1	19	14	1	2
38	14.5	0	22	18	1	2
39	14.5	1	20	14	2	3
40	14.5	1	12	18	1	3
41	14.5	1	10.5	20	2	2
42	14.5	0	10	21	2	2
43	14	1	13	7	3	3
44	14	1	12	18	1	3
45	14	1	10	21	1	2
46	14	1	18	24	1	2
47	14	0	21	24	1	2
48	14	1	15	27	1	2
49	14	1	13.5	10	2	3
50	14	1	16	28	1	2
51	14	1	18	14	1	2
52	14	1	10	21	1	2

53	14	0	12	21	2	2
54	14	1	10	14	2	2
55	14	0	8	30	1	3
56	13.5	0	18	20	2	3
57	13.5	1	9	9	3	2
58	13.5	0	15	14	2	2
59	13.5	0	13	10	1	2
60	13.5	1	20	10	1	3
61	13.5	1	18	20	1	2
62	13.5	1	13.5	15	1	2
63	13.5	1	9	12	1	1
64	13.5	1	18	18	1	1
65	13	0	14	20	1	2
66	13	1	11	21	2	3
67	13	0	7	14	2	2
68	13	0	6	17	1	1
69	13	0	8	21	3	3
70	13	1	9	15	2	1
71	13	0	4.5	18	1	2
72	13	1	17.5	20	1	2
73	13	1	13.5	18	2	2
74	13	1	4.5	18	3	2
75	13	0	6	21	1	3
76	13	1	3	21	2	3
77	13	0	13.5	20	1	2
78	13	0	15	18	2	2
79	12.5	0	13.5	15	1	2
80	12.5	1	18	21	2	3
81	12.5	0	6	18	2	2

82	12.5	0	13.5	15	2	2
83	12.5	0	4.5	14	2	2
84	12.5	0	3	14	2	2
85	12.5	0	6	8	2	1
86	12.5	0	9	17	3	1
87	12.5	0	18	10	3	3
88	12.5	1	6	11	1	2
89	12.5	0	4	7	2	3
90	12.5	1	12	7	1	2

Chương III : Ước lượng và phân tích mô hình

3.1 Phân tích mô hình

- **Mô hình ban đầu**

❖

Dependent
Method: Least
Date: 11/21/16
Sample: 1 90
Included

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	11.06716	0.741300	14.92941	0.0000
SCHOOL	0.213633	0.247098	0.864566	0.3897
TIME_Y	0.088474	0.016215	5.456264	0.0000
TIME_EXTRA	0.023193	0.024707	0.938726	0.3506
PRESSURE	0.172878	0.176943	0.977028	0.3314
SMART	0.386885	0.194127	1.992945	0.0495

R-squared	0.307216	Mean	14.31111
Adjusted R-	0.265979	S.D.	1.342013
S.E. of	1.149770	Akaike info	3.181341
Sum squared	111.0456	Schwarz	3.347995
Log likelihood	-137.1604	Hannan-	3.248546
F-statistic	7.449985	Durbin-	0.484372
Prob(F-statistic)	0.000008		

MARK= 11.06716 + 0.213633SCHOOL + 0.088474TIME_Y +

(SE) (0.741300) (0.247098) (0.016215)

0.023193TIME_EXTRA + 0.172878PRESSURE + 0.386885SMART

(0.024707) (0.176943) (0.194127)

❖ **Giải thích mô hình**

✓ **β 2=0.213633>0, cho biết với các yếu tố khác không đổi, nếu học ở các trường chuyên thì học sinh thi điểm sẽ cao hơn các trường không chuyên .**

✓ **β 3=0.088474>0, cho biết với các yếu tố khác không đổi, nếu thời gian tự học tăng thêm 1 giờ thì điểm thi ĐH sẽ tăng lên 0.088474 .**

- ✓ β **4=0.023193, cho biết với các yếu tố khác không đổi, nếu thời gian học thêm tăng thêm 1 giờ thì điểm thi ĐH sẽ tăng lên 0.023193 .**
- ✓ β **5=0.172878, cho biết với các yếu tố khác không đổi , nếu mức độ áp lực tới thí sinh tăng thêm 1 mức thì điểm thi ĐH sẽ tăng lên 0.172878 .**
- ✓ β **6=0.386885, cho biết với các yếu tố khác không đổi, nếu mức độ tiếp thu bài của các bạn thí sinh tăng thêm 1 mức thì điểm thi ĐH sẽ tăng lên 0.386885 .**

So sánh với dự đoán ban đầu , ta thấy phù hợp với dự đoán.

Ta thừa nhận mô hình phù hợp .

3.2 Lựa chọn mô hình

❖ **Mô hình 1 :**

Dependent
Method: Least
Date: 11/21/16
Sample: 1 90
Included

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	11.06716	0.741300	14.92941	0.0000
SCHOOL	0.213633	0.247098	0.864566	0.3897
TIME_Y	0.088474	0.016215	5.456264	0.0000
TIME_EXTRA	0.023193	0.024707	0.938726	0.3506
PRESSURE	0.172878	0.176943	0.977028	0.3314
SMART	0.386885	0.194127	1.992945	0.0495

R-squared	0.307216	Mean	14.31111
Adjusted R-	0.265979	S.D.	1.342013
S.E. of	1.149770	Akaike info	3.181341
Sum squared	111.0456	Schwarz	3.347995
Log likelihood	-137.1604	Hannan-	3.248546
F-statistic	7.449985	Durbin-	0.484372
Prob(F-statistic)	0.000008		

MARK= 11.06716 + 0.213633SCHOOL + 0.088474TIME_Y +

(SE) (0.741300) (0.247098) (0.016215)

0.023193TIME_EXTRA + 0.172878PRESSURE + 0.386885SMART

(0.024707) (0.176943) (0.194127)

Mô hình 2

Dependent
Method: Least
Date: 11/21/16
Sample: 1 90
Included

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	11.12459	0.737220	15.08993	0.0000
TIME_Y	0.090671	0.015991	5.670227	0.0000
TIME_EXTRA	0.025129	0.024569	1.022782	0.3093
PRESSURE	0.172694	0.176679	0.977444	0.3311
SMART	0.384203	0.193814	1.982326	0.0507

R-squared	0.301051	Mean	14.31111
Adjusted R-	0.268160	S.D.	1.342013
S.E. of	1.148061	Akaike info	3.167978
Sum squared	112.0337	Schwarz	3.306857
Log likelihood	-137.5590	Hannan-	3.223982
F-statistic	9.152804	Durbin-	0.485469
Prob(F-statistic)	0.000003		

MARK= 11.12459 + 0.090671TIME_Y + 0.025129TIME_EXTRA +

(SE) (0.737220) (0.015991) (0.024569)

0.172694PRESSURE + 0.384203SMART

(0.176679) (0193814)

❖ Mô hình 3

Dependent
Method: Least
Date: 11/21/16
Sample: 1 90
Included

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	11.47622	0.643324	17.83895	0.0000
TIME_Y	0.090106	0.015976	5.640015	0.0000
TIME_EXTRA	0.020326	0.024066	0.844582	0.4007
SMART	0.386356	0.193751	1.994080	0.0493

R-squared	0.293195	Mean	14.31111
Adjusted R-	0.268539	S.D.	1.342013
S.E. of	1.147763	Akaike info	3.156933
Sum squared	113.2930	Schwarz	3.268036
Log likelihood	-138.0620	Hannan-	3.201736
F-statistic	11.89144	Durbin-	0.477776
Prob(F-statistic)	0.000001		

MARK = 11.47622 + 0.090106TIME_Y + 0.020326TIME_EXTRA

(SE) (0.643324) (0.015976) (0.024066)

+0.386356SMART

(0.193751)

❖ Mô hình 4

❖

❖

Dependent
Method: Least
Date: 11/21/16
Sample: 1 90
Included

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	11.76470	0.544259	21.61600	0.0000
TIME_Y	0.088384	0.015819	5.587053	0.0000
SMART	0.381607	0.193350	1.973654	0.0516

R-squared	0.287333	Mean	14.31111
Adjusted R-	0.270949	S.D	1.342013
S.E. of	1.145870	Akaike info	3.142971
Sum squared	114.2327	Schwarz	3.226298
Log likelihood	-138.4337	Hannan-	3.176574
F-statistic	17.53829	Durbin-	0.453788
Prob(F-statistic)	0.000000		

MARK= 11.76470 + 0.088384TIME_Y + 0.381607SMART

(SE) (0.544259) (0.015819) (0.193350)

❖ SO SÁNH CÁC MÔ HÌNH

Variable	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 3	Mô hình 4
C	11.03716 (0.741300)	11.12459 (0.737220)	11.47622 (0.643324)	11.76470 (0.544259)
SCHOOL	0.213633 (0.247098)			
TIME _Y	0.088474 (0.016215)	0.090671 (0.015991)	0.090106 (0.015976)	0.088384 (0.015819)
TIME_EXTRA	0.023193 (0.024707)	0.025129 (0.024569)	0.020326 (0.024066)	
PRESSURE	0.172878 (0.176943)	0.172694 (0.176679)		
SMART	0.386885 (0.194127)	0.384203 (0.193814)	0.386356 (0.193751)	0.381607 (0.193350)
R^2	0.307216	0.301051	0.293195	0.287333
Adjusted R-squared	0.265979	0.268160	0.268539	0.270949
F- STATISTIC	7.449985	9.152806	11.89144	17.53829
AIC	3.181341	3.167978	3.156933	3.142971
SCHWAR	3.347995	3.306857	3.268036	3.226298

Nhận xét :

R – squared : mô hình 1 lớn nhất (=0.307216)

Adjusted R-squared : mô hình 3 lớn nhất (=0.268539)

AIC : mô hình 1 lớn nhất (=3.181341)

Schwar : mô hình 1 lớn nhất (= 3.347995)

Như ta thấy , mô hình 1 có nhiều tiêu chuẩn tốt nhất , do đó ta chọn mô hình 1

MARK= 11.06716 + 0.213633SCHOOL + 0.088474TIME_Y +

(SE) (0.741300) (0.247098) (0.016215)

0.023193TIME_EXTRA + 0.172878PRESSURE + 0.386885SMART

(0.024707) (0.176943) (0.194127)

3.3 Kiểm định mô hình

MARK= 11.06716 + 0.213633SCHOOL + 0.088474TIME_Y +

(SE) (0.741300) (0.247098) (0.016215)

0.023193TIME_EXTRA + 0.172878PRESSURE + 0.386885SMART

(0.024707) (0.176943) (0.194127)

- Kiểm định mô hình với mức ý nghĩa 5%

Cặp giả thuyết kiểm định : H0: =0; H1: #0

=(F:F>) ; =2.33

=7.449985

Ta thấy (7.449985)>(2.33)

Vậy mô hình phù hợp với mức ý nghĩa 5% .

Kết luận : Mô hình xây dựng được là

MARK= 11.06716 + 0.213633SCHOOL + 0.088474TIME_Y +

(SE) (0.741300) (0.247098) (0.016215)

0.023193TIME_EXTRA + 0.172878PRESSURE + 0.386885SMART

(0.024707) (0.176943) (0.194127)

- Kiểm định t :

  Cặp giả thuyết kiểm định : H0: =0 ; H1 : #0

  Miền bác bỏ : =(: // >)

  Với mức ý nghĩa =5% , =1.99

Ta có =0.864566

Ta thấy không thuộc nên không có cơ sở bác bỏ H0

Tương tự , . Ta kiểm định thấy không thuộc .

Ta thấy các biến SCHOOL, PRESSURE, TIME_EXTRA đều không có ý nghĩa ở mức 5% . Nhưng trên thực tế ta thấy các biến này rất có ý nghĩa.

Qua kết quả của dự án này, ta cũng có thể rút ra những nhận xét như sau:

- Thứ nhất, giữa việc học thêm và việc tự học thì việc tự học có ý nghĩa quan trọng hơn, ảnh hưởng đến điểm số nhiều hơn. Liên hệ với thực tế, có thể thấy việc học sinh đua nhau kiếm chỗ học thêm, luyện thi ngày đêm trong các trung tâm vừa tốn kém chi phí mà hiệu quả lại không cao so với việc tự học tại nhà. Do đó, các bạn học sinh cần chọn lựa cho mình một thời khóa biểu hợp lí.

- Thứ hai, rõ ràng khả năng tiếp thu rất ảnh hưởng đến tổng điểm thi. Thực tế cho thấy, kỳ thi tuyển sinh Đại Học nhằm mục đích tuyển chọn những đối tượng có khả năng tư duy tiếp thu tốt. Tuy nhiên, nếu tự nhận thấy khả năng tiếp thu của mình không tốt, đối tượng dự thi có thể cố gắng hơn bằng cách tăng số giờ tự học và học thêm theo đúng tiêu chí "Cần cù bù thông minh".

- Thứ ba, trường chuyên-lớp chọn có tác động đến kết quả thi Đại học. Học trường chuyên, lớp chọn thì có môi trường và điều kiện học tập, phấn đấu tốt hơn nên sẽ làm tăng tổng điểm thi Đại học. Nhưng đồng thời cũng làm ảnh hưởng đến kết quả học thêm, học ở trường chuyên áp lực về việc học đã lớn, thời gian cũng nhiều hơn nên nếu tăng giờ học thêm sẽ giảm hiệu quả do khả năng tiếp thu bị giảm.

- Thứ tư, biến áp lực bị loại bỏ cho thấy mức độ ảnh hưởng đến kết quả thi Đại học của biến này là không rõ ràng. Trên thực tế, có thể khẳng định đa số các thí sinh tham dự vào kỳ thi này đều ít hay nhiều phải chịu áp lực từ nhiều phía và áp

lực này có thể biểu hiện trong việc tăng số giờ học thêm và tự học trong tuần với mong muốn đạt kết quả cao hơn.

PHẦN KẾT LUẬN :

I Phần mở đầu

1. Lý do chọn đề tài .
2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu .

II Phần nội dung

Chương 1 : Cơ sở lý luận

+ Mô hình dự kiến

+ Ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng tới điểm thi

Chương 2 : Mô tả dữ liệu

+ Mô hình

+ Giải thích biến

+ Bộ số liệu điều tra

Chương 3 : Ước lượng và phân tích mô hình

3.1 Phân tích mô hình

Mô hình ban đầu

Giải thích mô hình

3.2 Lựa chọn mô hình

Các mô hình (1 , 2, 3 ,4)

So sánh các mô hình

Nhận xét lựa chọn mô hình tối ưu

3.3 Kiểm định mô hình

Phần kết luận:

1. Đề cương chi tiết
2. Bảng khảo sát

Lời cảm ơn .

2 . Bảng khảo sát

BẢNG KHẢO SÁT

→ Vui lòng cho biết vài thông tin về bạn:

Ngành học:……

Khóa:……..

→Điền vào chỗ trống và khoanh tròn vào đáp án bạn chọn.

Câu 1: Điểm thi Đại Học xét vào Khoa Kinh tế của bạn là điểm thi ĐH lần thứ mấy? Khối thi nào?

a) Lần đầu tiên thi ĐH. Khối thi là ….

b) Không phải lần đầu tiên thi ĐH. Khối thi là ….

Câu 2: Khối thi bạn chọn khi xét tuyển vào Khoa Kinh Tế có phải là khối thi chính của bạn không?

a) Là khối thi chính.

b) Không phải, khối thi chính của tôi là khối:….

Câu 3: Bạn vui lòng cho biết tổng điểm thi Đại học 3 môn của bạn (chưa tính điểm ưu tiên): ……

Câu 4: Ở cấp 3, bạn có học trong trường chuyên, trường điểm hoặc lớp chọn hay không?

a) Có

b) Không

Câu 5: Trường cấp 3 của bạn thuộc tỉnh nào: ……

Câu 6: Bạn vui lòng cho biết

- Tổng số suất học thêm trong 1 tuần (cho 3 môn thi ĐH) của bạn: ……
- Số giờ trung bình/suất là ……

Câu 7: Số giờ tự học ở nhà (dành cho 3 môn thi) trong 1 tuần của bạn để chuẩn bị cho kì thi ĐH là: …….

Câu 8: Bạn hãy cho đánh giá về mức độ áp lực từ gia đình, bản thân... trong kì thi tuyển sinh đại học vừa qua của bạn:

a) Ít
b) Nhiều
c) Rất áp lực

Câu 9: Bạn hãy cho đánh giá về mức độ tiếp thu bài của bạn:

a) Trung bình
b) Nhanh
c) Rất nhanh

Câu 10: Bạn hãy đánh giá mức độ khó của đề thi Đại học năm bạn thi so với các năm trước:

Năm bạn thi ĐH là năm:…… Đánh giá độ khó: ……..

Câu 11: Bạn vui lòng kể ra 1 số yếu tố khác đã ảnh hưởng đến kết quả thi Đại học của bạn:

……

LỜI CẢM ƠN

Quá trình nghiên cứu không tránh khỏi sai sót . Mong cô có thể bỏ qua và cho ý kiến nhận xét để bài được hoàn chỉnh hơn .

Đề tài này hoàn thành là nhờ sự giúp đỡ của các bạn khóa 2 ĐH khoa Tài chính – Ngân hàng .

Cảm ơn cô , nhờ có kiến thức của cô dạy mà em mới có thể hoàn thành đề tài này .